

BẢNG 04. BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Số TT	Tên khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Địa điểm	Giá đất (nghìn đồng/m ²)
A	Khu công nghiệp		
1	Phúc Khánh	Phường Vũ Phúc, phường Trần Hưng Đạo	1.300
2	Nguyễn Đức Cảnh	Phường Thái Bình, phường Trần Hưng Đạo	1.300
3	Tiền Hải	Xã Tiền Hải, xã Ái Quốc, xã Đồng Châu	1.200
4	Cầu Ngàn	Xã Phụ Dực	1.200
5	Gia Lễ	Phường Trà Lý	1.200
6	Thaco - Thái Bình	Xã Đồng Bằng, xã A Sào, xã Phụ Dực	1.200
7	Sông Trà	Phường Thái Bình	1.200
8	Liên Hà Thái (Green iP-1)	Xã Thái Thụy	1.340
9	Hải Long	Xã Đông Tiền Hải	1.300
10	VSIP Thái Bình	Xã Đông Thụy Anh	1.300
11	Hưng Phú	Xã Hưng Phú	1.300
12	Minh Quang	Phường Thượng Hồng	1.300
13	Minh Đức	Phường Thượng Hồng, phường Đường Hào	1.300
14	Phố Nối A	Xã Như Quỳnh	1.300
15	Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ	1.300
16	Yên Mỹ II	Xã Yên Mỹ	1.300
17	Dệt may Phố Nối	Xã Nguyễn Văn Linh, phường Đường Hào	1.300
18	Thăng Long II	Xã Nguyễn Văn Linh, phường Đường Hào	1.300
19	Sạch	Xã Đức Hợp, xã Nghĩa Dân	1.100
20	Lý Thường Kiệt	Xã Yên Mỹ	1.300
21	Số 1	Xã Yên Mỹ	1.300
22	Số 3	Xã Việt Tiến, xã Yên Mỹ, xã Xuân Trúc	1.300
23	Số 5	Xã Xuân Trúc	1.100
24	Số 6	Xã Xuân Trúc	1.100
25	Thổ Hoàng	Xã Xuân Trúc	1.100
26	Tân Dân	Xã Xuân Trúc	1.100

Số TT	Tên khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Địa điểm	Giá đất (nghìn đồng/m ²)
B	Cụm công nghiệp		
1	Thị trấn Vũ Thư	Xã Vũ Thư	1.000
2	Tam Quang	Xã Vũ Thư	1.000
3	Vũ Hội	Xã Thư Vũ	1.000
4	Nguyên Xá	Phường Vũ Phúc	1.000
5	Phúc Thành	Phường Thái Bình	700
6	Minh Lãng	Xã Thư Trì	800
7	Tân Minh	Xã Vũ Thư, xã Tân Thuận	1.000
8	Vũ Quý	Xã Vũ Quý, xã Quang Lịch, xã Kiến Xương	1.000
9	Vũ Ninh	Xã Vũ Quý	1.000
10	Thanh Tân	Xã Bình Nguyên	700
11	Cồn Nhất	Xã Bình Định	700
12	Trung Nê	Xã Kiến Xương	900
13	Bình Minh	Xã Kiến Xương	900
14	Trà Lý	Xã Tiền Hải	1.000
15	Cửa Lân	Xã Nam Cường	700
16	Tây An	Xã Tiền Hải	900
17	Nam Hà	Xã Nam Tiền Hải	700
18	An Ninh	Xã Tiền Hải	900
19	Đông La	Xã Đông Hưng	1.000
20	Đông Phong	Xã Đông Quan, xã Bắc Đông Quan	1.000
21	Nguyên Xá	Xã Đông Hưng	1.000
22	Xuân Động	Nam Đông Hưng	1.000
23	Đông Các	Xã Đông Hưng	1.000
24	Phong Châu	Xã Đông Tiền Hưng	1.000
25	Mê Linh	Xã Bắc Tiền Hưng	800
26	Đô Lương	Xã Bắc Tiền Hưng, xã Quỳnh An	900
27	Thái Phương	Xã Tiên La	1.000
28	Đồng Tu	Xã Tiên La, xã Hưng Hà	1.000
29	Hưng Nhân	Xã Long Hưng	1.000

Số TT	Tên khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Địa điểm	Giá đất (nghìn đồng/m²)
30	Tiền Phong	Xã Long Hưng	700
31	Thống Nhất	Xã Hưng Hà	900
32	Đức Hiệp	Xã Long Hưng	900
33	Văn Lang	Xã Hưng Hà	800
34	Quỳnh Côi	Xã Quỳnh Phụ	1.000
35	Đập Neo	Xã Tân Tiến	700
36	Quý Ninh	Xã Phụ Dực	700
37	Quỳnh Giao	Xã Minh Thọ	900
38	Đông Hải	Xã Quỳnh An	1.000
39	Mỹ Xuyên	Xã Đông Thái Ninh	700
40	Thụy Sơn	Xã Thụy Anh	900
41	Thái Dương	Xã Bắc Thái Ninh, xã Tây Thái Ninh	800
42	Thụy Văn	Xã Bắc Thụy Anh	800
43	Hồng Việt	Xã Tiên Hưng	800
44	Ninh An	Xã Vũ Quý	1.000
45	Phong Phú	Phường Thái Bình, phường Trần Hưng Đạo	1.100
46	Trần Lãm	Phường Trần Lãm	1.100
47	Thụy Ninh	Xã Tây Thụy Anh	700
48	Thái Giang	Xã Tây Thái Ninh	700
49	An Vũ	Xã Phụ Dực	700
50	Quỳnh Trang	Xã Vũ Quý	700
51	Ngô Xá	Phường Vũ Phúc, xã Vũ Thư	700
52	Thái Đô	Xã Đông Thái Ninh	700
53	Thụy Tân	Xã Đông Thụy Anh	700
54	Lạc Đạo	Xã Lạc Đạo, xã Như Quỳnh	1.200
55	Minh Hải 1	Xã Lạc Đạo	1.200
56	Minh Khai	Xã Lạc Đạo, xã Như Quỳnh	1.200
57	Đồng Than	Xã Hoàn Long	1.200
58	Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ	1.200
59	Kim Động	Xã Lương Bằng, xã Nguyễn Trãi	1.000

Số TT	Tên khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Địa điểm	Giá đất (nghìn đồng/m²)
60	Chính Nghĩa	Xã Lương Bằng, xã Nguyễn Trãi, xã Hồng Quang	1.000
61	Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân	Xã Lương Bằng, xã Nghĩa Dân, xã Nguyễn Trãi	1.000
62	Phùng Chí Kiên	Phường Thượng Hồng, phường Đường Hào	1.200
63	Làng nghề Hòa Phong	Phường Thượng Hồng	1.200
64	Hòa Phong	Phường Thượng Hồng	1.200
65	Trần Cao - Quang Hưng	Xã Quang Hưng	1.000
66	Quán Đò	Xã Đoàn Đào	1.000
67	Minh Châu - Việt Cường	Xã Việt Yên	1.200
68	Làng nghề Thụy Lâm	Xã Việt Yên	1.200
69	Giai Phạm	Xã Nguyễn Văn Linh	1.200
70	Ngô Quyền	Xã Hoàng Hoa Thám	1.000
71	Dị Chế	Xã Hoàng Hoa Thám	1.000
72	Thiện Phiến	Xã Tiên Lữ	900
73	Đình Cao	Xã Tiên Lữ	900
74	Vân Du - Quang Vinh	Xã Xuân Trúc, xã Ân Thi	1.000
75	Quảng Lãng - Đặng Lễ	Xã Xuân Trúc, xã Nguyễn Trãi	1.000
76	Đặng Lễ	Xã Nguyễn Trãi, xã Lương Bằng	1.000
77	Đa Lộc	Xã Nguyễn Trãi, xã Lương Bằng	1.000
78	Đông Khoái Châu	Xã Việt Tiến	1.000
79	Khoái Châu	Xã Khoái Châu	1.000
80	Nam Khoái Châu	Xã Chí Minh	1.000